

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn
vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 3)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 (đợt 1); Nghị quyết số 331/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai

đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 2); Nghị quyết số 394/NĐ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 (đợt 3);

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 (đợt 1); Quyết định số 4646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 (đợt 2);

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 4601/TTr-SKHĐT ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc đề nghị điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 3).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 3), với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh giảm 238,455 tỷ đồng đã giao kế hoạch chi tiết cho 12 dự án không có nhu cầu sử dụng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương, trong đó:

a) Điều chỉnh giảm 7,829 tỷ đồng của 01 dự án sử dụng vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh.

b) Điều chỉnh giảm 230,626 tỷ đồng của 11 dự án sử dụng vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (07 dự án hoàn thành có quyết toán duyệt, 02 dự án hoàn thành chưa có quyết toán và 02 dự án khởi công mới).

2. Số vốn điều chỉnh giảm nêu trên (238,455 tỷ đồng), bố trí cho 11 dự án, cụ thể như sau:

a) Điều chỉnh tăng 7,829 tỷ đồng vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh cho 02 dự án (01 dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt và 01 dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025).

b) Điều chỉnh tăng 230,626 tỷ đồng vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước cho 09 dự án:

- 01 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 và dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025: 6,2 tỷ đồng.

- 06 dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 34,426 tỷ đồng.

- 02 dự án mới được phê duyệt chủ trương đầu tư, bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 190 tỷ đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của pháp luật về đầu tư công, thông báo điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của từng dự án cho các chủ đầu tư để tổ chức triển khai thực hiện.

b) Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các dự án được phê duyệt và căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật, chủ trì, phối hợp với các ngành và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của các dự án nêu trên, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đảm bảo theo quy định.

2. Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các chủ đầu tư lập hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định.

3. Kho Bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc giải ngân của các chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định, phù hợp với mức vốn trung hạn giai đoạn 2021- 2025, mức vốn hằng năm và mục tiêu đầu tư theo các quyết định giao kế hoạch chi tiết hằng năm của UBND tỉnh.

4. Các chủ đầu tư căn cứ danh mục và mức vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được thông báo, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với mức vốn được giao; hằng năm căn cứ mức vốn, mục tiêu đầu tư được UBND tỉnh giao kế hoạch để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản và thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy; HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số 2697 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

| Số TT | Nguồn vốn/Danh mục dự án | Ngành, lĩnh vực | Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư) | | | Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết năm 2020 | | Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020 | | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt | Số vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh | | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh | Chủ đầu tư |
|-------|---|---|--|---|------------------------------|--|------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---|--|---------------------|--|-------------------------------------|
| | | | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | | Điều chỉnh giảm (-) | Điều chỉnh tăng (+) | | |
| | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| | TỔNG SỐ | | | 3.035.363 | 1.964.318 | 844.066 | 512.417 | 285.666 | 174.571 | 636.084 | 238.455 | 238.455 | 636.084 | |
| A | DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIAM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 | | | 1.476.682 | 1.309.590 | 519.221 | 363.294 | 111.089 | 99.923 | 432.105 | 238.455 | | 193.650 | |
| A.1 | VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT | | | 82.171 | 82.171 | | | | | 90.000 | 7.829 | | 82.171 | |
| I | Vốn bố trí cho dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 | | | 82.171 | 82.171 | | | | | 90.000 | 7.829 | | 82.171 | |
| 1 | Hoàn thiện mặt đường tuyến đường vào Nhà máy xi măng Đại Dương. | Hạ tầng khu kinh tế ven biển | 4312/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 | 82.171 | 82.171 | | | | | 90.000 | 7.829 | | 82.171 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN |
| A.2 | VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC | | | 1.394.511 | 1.227.419 | 519.221 | 363.294 | 111.089 | 99.923 | 342.105 | 230.626 | | 111.479 | |
| I | Vốn bố trí cho dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 | | | 632.955 | 465.863 | 519.221 | 363.294 | 111.089 | 99.923 | 130.105 | 30.182 | | 99.923 | |
| a | Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt | | | 591.620 | 433.028 | 483.318 | 335.891 | 108.303 | 97.137 | 123.173 | 26.036 | | 97.137 | |
| 1 | Tu bổ, nâng cấp đê tả, hữu sông Cầu Chày, huyện Thọ Xuân. | Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản | 998/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 | 113.939 | 18.940 | 95.000 | | 18.940 | 18.940 | 19.811 | 871 | | 18.940 | UBND huyện Thọ Xuân |
| 2 | Đầu tư xây dựng tuyến đường từ Quốc Lộ 45 đi xã Định Tăng, huyện Yên Định. | Giao thông | 1101/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 | 69.690 | 69.690 | 55.500 | 55.500 | 14.190 | 14.190 | 23.990 | 9.800 | | 14.190 | UBND huyện Yên Định |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ xã Cẩm Ngọc đi xã Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy. | Giao thông | 1769/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 | 34.356 | 34.356 | 28.260 | 28.260 | 6.096 | 6.096 | 6.996 | 900 | | 6.096 | UBND huyện Cẩm Thủy |

| Số TT | Nguồn vốn/Danh mục dự án | Ngành, lĩnh vực | Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư) | | | Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết năm 2020 | | Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020 | | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt | Số vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh | | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh | Chủ đầu tư |
|-----------|--|---|--|---|------------------------------|--|------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---|--|---------------------|--|--|
| | | | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | | Điều chỉnh giảm (-) | Điều chỉnh tăng (+) | | |
| | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 4 | Khu hành chính dịch vụ Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, huyện Bá Thước. | Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản | 4434/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 | 69 567 | 23 223 | 53.781 | 18.603 | 15.786 | 4.620 | 6 023 | 1.403 | | 4.620 | Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông |
| 5 | Đê tả sông Âu xã Thuận Lộc, huyện Hậu Lộc (từ đập Bộ Đầu đến làng Nhuệ Thôn xã Thuận Lộc) (2011). | Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản | 20/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 | 5 252 | 5 252 | 5.100 | 5.100 | 152 | 152 | 1.291 | 1.139 | | 152 | UBND huyện Hậu Lộc |
| 6 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom nước thải, nước mưa khu vực phía Tây đường Hồ Xuân Hương, TP Sầm Sơn. | Môi trường | 2063/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 | 152 242 | 152 242 | 134.345 | 134.345 | 17.897 | 17.897 | 24.314 | 6.417 | | 17.897 | UBND thành phố Sầm Sơn |
| 7 | Đường trục chính đô thị, thị trấn Đông Sơn (Kết nối QL 45, 47). | Giao thông | 4505/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 | 146 574 | 129 325 | 111.332 | 94.083 | 35.242 | 35.242 | 40.748 | 5.506 | | 35.242 | UBND huyện Đông Sơn |
| b | Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt | | | 41 335 | 32 835 | 35 903 | 27 403 | 2 786 | 2 786 | 6 932 | 4 146 | | 2 786 | |
| 1 | Trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy Thọ Xuân. | Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội | 3490/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 | 26.384 | 24.884 | 23.943 | 22.443 | 2.441 | 2.441 | 3 941 | 1.500 | | 2.441 | Huyện ủy Thọ Xuân |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp và mở rộng vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc. | Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản | 3776/QĐ-UBND ngày 22/10/2009; 1278/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 | 14.951 | 7.951 | 11.960 | 4.960 | 345 | 345 | 2.991 | 2.646 | | 345 | UBND huyện Hậu Lộc |
| II | Vốn bố trí cho dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 | | | 761.556 | 761.556 | | | | | 212.000 | 200.444 | | 11.556 | |
| 1 | Cầu khe Chon và đường hai đầu cầu xã Thanh Quân huyện Như Xuân tỉnh Thanh Hóa. | Giao thông | 1955/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 | 11 556 | 11 556 | | | | | 12 000 | 444 | | 11.556 | UBND huyện Như Xuân |

| Số TT | Nguồn vốn/Danh mục dự án | Ngành, lĩnh vực | Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư) | | | Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết năm 2020 | | Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020 | | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt | Số vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh | | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh | Chủ đầu tư |
|------------|---|---|---|---|------------------------------|--|------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---|--|---------------------|--|---|
| | | | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | | Điều chỉnh giảm (-) | Điều chỉnh tăng (+) | | |
| | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 2 | Trụ sở hợp khối các cơ quan tỉnh. | Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội | | 750.000 | 750.000 | | | | | 200.000 | 200.000 | | | Sở Xây dựng Thanh Hóa |
| B | DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 | | | 1.558.681 | 654.728 | 324.845 | 149.123 | 174.577 | 74.648 | 203.979 | | 238.455 | 442.434 | |
| <i>B.1</i> | <i>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</i> | | | <i>311.243</i> | <i>102.571</i> | <i>253.582</i> | <i>86.923</i> | <i>57.661</i> | <i>15.648</i> | | | <i>7.829</i> | <i>7.829</i> | |
| I | Vốn bố trí cho dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 | | | 311.243 | 102.571 | 253.582 | 86.923 | 57.661 | 15.648 | | | 7.829 | 7.829 | |
| <i>a</i> | <i>Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt</i> | | | <i>52.129</i> | <i>5.629</i> | <i>46.500</i> | | <i>5.629</i> | <i>5.629</i> | | | <i>5.629</i> | <i>5.629</i> | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp hồ Nả Hiêng xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân (Chế độ Mật) | Giao thông | 4229/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 | 52.129 | 5.629 | 46.500 | | 5.629 | 5.629 | | | 5.629 | 5.629 | UBND huyện Như Xuân |
| <i>b</i> | <i>Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025</i> | | | <i>259.114</i> | <i>96.942</i> | <i>207.082</i> | <i>86.923</i> | <i>52.032</i> | <i>10.019</i> | | | <i>2.200</i> | <i>2.200</i> | |
| 1 | Bảo tồn và phòng dựng chính điện, Khu DTLS Lam Kinh. | Văn hóa | 4613/QĐ-UBND ngày 23/12/2014; 669/QĐ-UBND ngày 25/02/2020; 2518/QĐ-UBND ngày 12/7/2021; 1737/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 | 259.114 | 96.942 | 207.082 | 86.923 | 52.032 | 10.019 | | | 2.200 | 2.200 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa |
| B.2 | VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC | | | 1.247.438 | 552.157 | 71.263 | 62.200 | 116.916 | 59.000 | 203.979 | | 230.626 | 434.605 | |

| Số TT | Nguồn vốn/Danh mục dự án | Ngành, lĩnh vực | Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư) | | | Lũy kế vốn đã bỏ trí từ đầu dự án đến hết năm 2020 | | Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020 | | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt | Số vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh | | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh | Chủ đầu tư |
|-------|---|------------------|--|---|------------------------------|--|------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---|--|---------------------|--|---|
| | | | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | | Điều chỉnh giảm (-) | Điều chỉnh tăng (+) | | |
| | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| I | Vốn bố trí cho dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 | | | 188.179 | 121.200 | 71.263 | 62.200 | 116.916 | 59.000 | 52.800 | | 6.200 | 59.000 | |
| a | Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 | | | 188.179 | 121.200 | 71.263 | 62.200 | 116.916 | 59.000 | 52.800 | | 6.200 | 59.000 | |
| 1 | Đường giao thông Quảng Bình - Quảng Thái, huyện Quảng Xương. | Giao thông | 381/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; 3418/QĐ-UBND ngày 11/9/2017; 1505/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 | 188.179 | 121.200 | 71.263 | 62.200 | 116.916 | 59.000 | 52.800 | | 6.200 | 59.000 | UBND huyện Quảng Xương |
| II | Vốn bố trí cho dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 | | | 1.059.259 | 430.957 | | | | | 151.179 | | 224.426 | 375.605 | |
| 1 | Xây dựng đường dây tải điện 35KV và 2 trạm biến áp từ bản Giỏi xã Thiên Phú cấp điện cho Trạm Kiểm lâm bản Bâu và nhân dân 2 bản: bản Bâu, bản Nốt thuộc Khu bảo tồn các loài hạt trần quý hiếm Nam Động, huyện Quan Hóa. | Công nghiệp | 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 | 10.375 | 10.375 | | | | | 9.600 | | 775 | 10.375 | Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa |
| 2 | Cầu Lộc qua sông Lý nổi xã Tiên Trang với xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương. | Giao thông | 4212/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 | 41.997 | 37.000 | | | | | 28.800 | | 8.200 | 37.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương |
| 3 | Cầu Tiên Long bắc qua sông Lý xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương. | Giao thông | 5358/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 | 38.300 | 31.995 | | | | | 26.000 | | 5.995 | 31.995 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh và đường Pitch Sân vận động tỉnh phục vụ Đại hội TDTT tỉnh Thanh Hóa lần thứ IX. | Thể dục thể thao | 2987/QĐ-UBND ngày 06/8/2021; 3915/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 | 36.592 | 36.592 | | | | | 29.279 | | 3.600 | 32.879 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa |

| Số TT | Nguồn vốn/Danh mục dự án | Ngành, lĩnh vực | Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư) | | | Lũy kế vốn đã bỏ từ đầu dự án đến hết năm 2020 | | Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020 | | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt | Số vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh | | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh | Chủ đầu tư |
|-------|---|-----------------|--|---|------------------------------|--|------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---|--|---------------------|--|---|
| | | | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | | Điều chỉnh giảm (-) | Điều chỉnh tăng (+) | | |
| | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 5 | Xây dựng hoàn thành cầu Bến Kẹm, huyện Bá Thước. | Giao thông | 3635/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 | 79.995 | 79.995 | | | | | 44.000 | | 5.000 | 49.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; UBND huyện Bá Thước |
| 6 | Đường giao thông khu du lịch suối cá thân, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy. | Giao thông | 1202/QĐ-UBND ngày 07/4/2022; 1289/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 | 57.000 | 45.000 | | | | | 13.500 | | 10.856 | 24.356 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy |
| 7 | Đường từ núi Văn Trinh (ĐT.504) đến đường Thọ Xuân - Nghi Sơn (ĐT.506), tỉnh Thanh Hóa. | Giao thông | 378/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 | 465.000 | 100.000 | - | | | | | | 100.000 | 100.000 | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương |
| 8 | Đầu tư xây dựng cầu Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy. | Giao thông | 377/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 | 330.000 | 90.000 | | | | | | | 90.000 | 90.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa |